

BỘ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II-NĂM 2022-2023**MÔN: NGỮ VĂN 6****MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN 6**

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Bài văn tự sự	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đ ơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	Nhận biết: - Nhận biết được kiểu văn bản; các chi tiết trong văn bản. (1) - Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả.(2) - Nhận biết được: nhan đề, sa pô,	3 TN	5TN	2TL	

			<p>đề mục trong văn bản thông tin. (3)</p> <p>- Nhận ra từ đa nghĩa, từ đồng nghĩa (4)</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản. (5)</p> <p>- Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn. Xác định được chủ đề của đoạn văn. (6)</p> <p>- Xác định được nghĩa của từ (được sử dụng theo nghĩa gốc, nghĩa chuyển); cụm từ được sử dụng trong câu văn. (7)</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Nêu được suy nghĩ (bài học) của bản thân sau khi tìm hiểu thông tin. (8)</p>				
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.</p>	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				3 TN	5TN	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20+5	20+15	20+10	10
Tỉ lệ chung				60			40

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**Môn Ngữ văn lớp 6**

Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau:

“[...]”

Tình trạng Trái Đất hiện nay ra sao?

Hiện tại, hành tinh xanh – ngôi nhà chung của nhân loại- đang từng ngày từng giờ bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người. Thiên nhiên đang bị tàn phá. Theo đó, màu xanh trải rộng của rừng cọ bị hẹp lại, nhường chỗ cho sự xâm lấn của màu xanh hoang mạc nhứt nhối. Không ít loài động vật hoang dã bị săn lùng, truy diệt giờ đã hoặc gần như tuyệt chủng. Nhiều nguồn lợi hải sản đang bị “nghèo” đi đáng kể do con người chưa xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa khai thác và bảo tồn, phát triển. Một khi đại dương trở thành túi chứa rác thải nhựa khổng lồ thì vô số sinh vật biển bị đẩy vào tình trạng chết dần chết mòn. Dưới tác động tiêu cực của việc phát triển công nghiệp thiếu bền vững, Trái Đất đang nóng dần lên, nhiều khối băng ở Bắc cực và Nam cực bị tan chảy làm nước biển dâng cao, đe dọa sự tồn tại của một số thành phố sôi động và làng mạc trù phú miền duyên hải. Tầng ô – dôn bị thủng nhiều chỗ, đất đai, nước, không khí bị ô nhiễm nặng nề, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của muôn loài.

Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Đó là câu hỏi nhứt nhối khiến nhân loại không thể làm ngơ. Sự sống trên hành tinh xanh, trong đó có con người, đang đứng trước những thách thức to lớn.

(Trích *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, Hồ Thanh Tùng, SGK Ngữ văn 6 Kết nối tri thức và cuộc sống trang 79,80)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào sau đây? (1)

A. Văn bản tự sự

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản miêu tả.

Câu 2. Trong đoạn trích trên, câu văn “*Tình trạng Trái Đất hiện nay ra sao?*” là phần gì của văn bản thông tin? (3)

A. Sa pô

B. Đề mục

C. Nhan đề

D. Chủ đề.

Câu 3. “Hành tinh xanh” trong đoạn trích trên là tên gọi khác của: (4)

A. Trái Đất

B. Mặt trời

C. Mặt trăng

D. Đại dương

Câu 4. Trong câu: “*Thiên nhiên đang bị tàn phá.*” Đây là cụm động từ? (7)

A. đang bị

B. bị tàn phá

C. đang bị tàn phá

D. thiên nhiên đang

Câu 5. Chủ đề của đoạn trích trên là: (6)

- A. lời kêu gọi loài người hãy bảo vệ thiên nhiên, Trái Đất.
B. thực trạng Trái Đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương.
C. những giải pháp con người đã làm để bảo vệ Trái Đất.
D. giả thuyết về thiên nhiên, Trái Đất trong tương lai.

Câu 6. Theo tác giả, một khi đại dương trở thành túi chứa rác thải nhựa khổng lồ thì: (5)

- A. sinh vật biển sẽ có môi trường sống mới.
B. sinh vật biển sẽ phát triển đa dạng về giống loài.
C. sinh vật biển sẽ giảm đi một số loài.

D. sinh vật biển rơi vào tình trạng chết dần chết mòn.

Câu 7. Trong câu văn “*Nhiều nguồn lợi hải sản đang bị “nghèo” đi đáng kể do con người chưa xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa khai thác và bảo tồn, phát triển.*” từ “nghèo” được dùng theo nghĩa gốc đúng hay sai? (7)

- A. Đúng. **B. Sai.**

Câu 8. Theo tác giả, hành tinh xanh đang ngày càng bị tổn thương là do: (5)

- A. sự thay đổi tất yếu của tự nhiên làm môi trường tổn thương.
B. tầng ô-dôn bị thủng nhiều nơi làm môi trường bị tàn phá nặng nề.
C. nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người
D. diện tích rừng đang dần bị co hẹp lại làm ô nhiễm môi trường.

Trả lời câu hỏi

Câu 9. Câu hỏi ở cuối đoạn văn “*Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ?*” gọi cho em những suy nghĩ gì? (8)

Câu 10: Em có dự định tuyên truyền với người thân, bạn bè về kế hoạch bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ Trái Đất của mình? (8)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một chuyến đi trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HKII**Môn: Ngữ văn lớp 6**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	C	0,5
	9	HS nêu được suy nghĩ của bản thân đối với câu hỏi mà đoạn trích gợi ra.	1,0
	10	HS trình bày kế hoạch, dự định theo chiều hướng tích cực, sáng tạo.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một trải nghiệm</i>	0,25
		<i>c. Kể lại trải nghiệm của bản thân</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân. - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Cảm xúc sau trải nghiệm đó.	3,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>	0,25

PHÒNG GD&ĐT CẨM MỸ
TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK O	T L	TNK O	T L	TNK O	T L	TNK O	T L	

1	Độc hiểu	Văn bản thơ, thơ lục bát	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể về một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng điểm			15	5	25	15	0	30	0	1	10
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		100%
Tỉ lệ chung			60%				40%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thô ng hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ và thơ lục bát	Nhận biết: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản, tác giả, tác phẩm.(1) - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp, thể loại của bài thơ lục bát.(2) - Nhận diện được các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm trong thơ. (3) - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.(4) - Nhận ra từ đơn và từ phức; từ đa nghĩa và từ đồng âm; cụm từ, các biện pháp tu từ (5) Thông hiểu: - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.(6) - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.(7) - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả, các biện pháp tu từ trong thơ.(8) Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.	3 TN	5TN	2 TL	

			(9) - Đánh giá được giá trị của các yếu tố văn, nhịp (10)				
2	Viết	Viết bài văn tự sự	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				3 TN	5 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20%	40%	30%	10%
Tỉ lệ chung				60%	40%		

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Gấu con chân vòng kiềng

Gấu con chân vòng kiềng
 Gấu con chân vòng kiềng
 Đi dạo trong rừng nhỏ,
 Nhặt những quả thông già,
 Hát lú lo, lú lo.
 Đột nhiên một quả thông
 Rụng vào đầu đánh bốp...
 Gấu luống cuống, vương chân
 Và ngã nghe cái bốp!
 Có con sáo trên cành
 Hét thật to trêu chọc:
 - Ê gấu, chân vòng kiềng
 Giẫm phải đuôi à nhóc!
 Cả đàn năm con thỏ
 Hét thật to trêu chọc:

- Gấu con chân vòng kiềng!
Hét thật to – đến xấu.
Thế là ai cũng biết
Tất cả đều chê bai:
- Gấu con chân vòng kiềng
Đi dạo trong rừng nhỏ...
Gấu con chân vòng kiềng
Vội chạy về mách mẹ:
- Vòng kiềng thật xấu hổ
Con thà chết còn hơn.
Nó nấp sau cánh tủ,
Tủi thân khóc thật to:
- Cả khu rừng này chê
Chân vòng kiềng xấu, xấu!
Ngạc nhiên lắm, mẹ gấu
Nói với con thế này:
- Chân của con rất đẹp,
Mẹ luôn thấy tự hào!
Chân mẹ vòng kiềng nhé,
Cả chân bố cũng cong,
Vòng kiềng giỏi nhất vùng
Chính là ông nội đấy!
Gấu con nghe mẹ nói
Bình tâm trở lại ngay.
Ra rửa sạch chân tay,
Rồi ngồi ăn bánh mật.
Và bước ra kiêu hãnh,
Vui vẻ hét thật to:
- Chân vòng kiềng là ta
Ta vào rừng đi dạo!

Trang 39 Ngữ Văn 6 tập 2 Cánh Diều

Câu 1: Bài thơ *Gấu con chân vòng kiềng* thuộc thể thơ nào? (2)

- A. 5 chữ B. 7 chữ C. Lục bát D. Tự do

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là gì? (3)

- A. Thuyết minh B. Nghị luận C. Miêu tả D. Biểu cảm

Câu 3: Trong SGK, bài thơ trên là bản dịch của ai? (1)

- A. Nguyễn Quỳnh Hương B. Xuân Diệu

C. Trần Đăng Khoa

D. Phạm Lữ Ân

Câu 4: Bài thơ *Gấu con chân vòng kiềng* viết về tình cảm gia đình, đúng hay sai?**(6)**

A. Đúng

B. Sai

Câu 5: Trong bài thơ, vật gì đã khiến gấu con ngã nhào? **(6)**

A. Viên đá

B. Hố đất

C. Quả thông

D. Quả nhãn

Câu 6: Đàn thỏ đã làm gì khi gấu con bị chê xấu? **(7)**

A. Bảo vệ gấu con

B. An ủi gấu con

C. Hòa theo trêu chọc

D. Phê phán kẻ trêu chọc gấu con

Câu 7: Khi chưa bị trêu chọc, gấu con có tâm trạng như thế nào?

A. Vui vẻ, yêu đời

B. Lo âu, sợ hãi

C. Nóng giận, bực tức

D. Đau khổ, thất vọng

Câu 8: Điệp ngữ: *Gấu con chân vòng kiềng* được lặp lại nhằm nhấn mạnh điều gì? **(8)**

A. Gấu con rất bé nhỏ

B. Gấu con có đôi chân vòng kiềng

C. Gấu con dễ bị trêu chọc

D. Gấu con tính nghịch

Câu 9: Tại sao ngoài con sáo, tác giả còn đưa thêm chi tiết “Cả đàn năm con thỏ” cùng nhận xét về “chân vòng kiềng” của gấu con? **(9)****Câu 10. Tại sao gấu mẹ lại nói với gấu con về chân của mình, chân của gấu bố và khẳng định: “Vòng kiềng giỏi nhất vùng/ Chính là ông nội đấy!”?** **(9)****II. VIẾT (4,0 điểm)** Hãy kể lại một trải nghiệm về chuyến thăm quê thú vị của em.**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	C	0,5

	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	HS đưa ra được một vài thông điệp phù hợp với nội dung bài thơ.	1,0
	10	Gấu mẹ nói như vậy là để cậu thấy rằng không phải một mình cậu như vậy, cả nhà gấu đều giống cậu vì đây là di truyền. Tuy là chân vòng kiềng nhưng ông nội là người giỏi nhất vùng nên gấu con không phải xấu hổ hay tự ti về bản thân.	1,0
II	VIẾT		4,0
	a.	Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự	0,25
	b.	Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một trải nghiệm của bản thân - chuyển về thăm quê thú vị.	0,25
	c.	Kể lại nội dung trải nghiệm. HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
		- Sử dụng ngôi thứ nhất để kể - Giới thiệu được trải nghiệm - Các sự việc chính: bắt đầu - diễn biến - kết thúc. - Cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó.	3,0
	d.	Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e.	Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, cách kể linh hoạt, thể hiện cảm xúc chân thành, trải nghiệm có ý nghĩa sâu sắc.	0,25

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

T T	Kĩ năn g	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổn g % điể m
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn.	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một chuyến đi và trải nghiệm đáng nhớ	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

		của bản thân.									
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn.	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật, thể loại. (1) - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. (2) Thông hiểu: - Giải thích được nghĩa của từ. (3) - Nêu được chủ đề của văn bản. (4) - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. (5) - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện. (6) - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. (7) - Xác định biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong văn bản. (8) Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. (9) - Trình bày ý kiến về hành	4 TN	4TN	2TL	

			động của nhân vật.(10)				
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				4 TN	4T N	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20+5	20+ 15	20+1 0	10
Tỉ lệ chung				60			40

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau:

Xương Rồng và Cúc Biển

Xương Rồng sống ở bãi cát ven biển đã lâu mà chẳng được ai để ý đến. Bông Cúc Biển thấy lão sống lặng lẽ quá nên xin đến ở chung. Lão hơi khó chịu nhưng vẫn đồng ý. Một hôm, đàn bướm nọ bay ngang qua, kêu lớn:

- Ôi, bác Xương Rồng nở hoa đẹp quá!

Xương Rồng hồi hộp chờ Cúc Biển lên tiếng nhưng nó chỉ im lặng, mỉm cười. Nhiều lần được khen, lão vui vẻ ra mặt.

Thời gian trôi qua, hết Xuân đến Hè, hoa Cúc Biển tàn ứa. Vài chú ong nhìn thấy liền cảm thán:

- Thế là đến thời hoa Xương Rồng tàn héo!

Nghe mọi người chê, Xương Rồng liền gân cổ cãi:

- Ta chẳng bao giờ tàn héo cả. Những bông hoa kia là của Cúc Biển đấy!

Cúc Biển chẳng nói gì nhưng không cười nữa. Đợi chị gió bay qua, nó xin chị mang mình theo đến vùng đất khác.

Mùa Xuân đến, bướm ong lại bay qua nhưng chẳng ai còn để ý đến Xương Rồng nữa. Lão tiếp tục sống những ngày tháng cô độc như trước.

(Trích từ tập sách *Giọt sương chạy trốn* của Lê Luynh,
NXB Kim Đồng 2020)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Câu chuyện “Xương Rồng và Cúc Biển” được viết theo thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích

B. Truyện đồng thoại

C. Truyện thuyết

D. Thần thoại.

Câu 2. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai? (2)

A. Lời của nhân vật Xương Rồng.

B. Lời của Cúc Biển.

C. Lời của người kể chuyện.

D. Lời của Xương Rồng và Cúc Biển

Câu 3. Câu chuyện có mấy nhân vật chính? (1)

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

Câu 4. Từ “mùa xuân” trong văn bản được hiểu theo nghĩa gốc, đúng hay sai? (3)

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 5. Cúc Biển giúp Xương Rồng không cô độc bằng cách nào? (1)

A. Cúc Biển trò chuyện vui vẻ cùng Xương Rồng

B. Cúc Biển rủ Xương Rồng đi chơi

C. Cúc Biển xin đến nhà Xương Rồng ở chung

D. Xương Rồng đến nhà Cúc Biển ở chung

Câu 6. Cử chỉ, hành động của Cúc Biển lặng lẽ, mỉm cười khi Xương Rồng hiểu nhầm đàn bướm khen Xương rồng, thể hiện phẩm chất gì của Cúc Biển? (7)

A. Đoàn kết

B. Tự tin

C. Dững cảm

D. Khiêm tốn

Câu 7. Nêu tên biện pháp tu từ sử dụng trong câu sau: *Mùa Xuân đến, bướm ong lại bay qua nhưng chẳng ai còn để ý đến Xương Rồng nữa. Lão tiếp tục sống những ngày tháng cô độc như trước.* (8)

A. Hoán dụ.

B. Nhân hóa.

C. So sánh

D. Ẩn dụ

Câu 8. Vì sao Cúc Biển muốn sống cùng Xương Rồng nhưng cuối cùng Cúc Biển lại bỏ đi? (7)

A. Vì Cúc Biển thất vọng về Xương Rồng

B. Vì Cúc Biển không muốn ở đó nữa

C. Vì Cúc Biển muốn đi nơi khác vui hơn

D. Vì Cúc Biển muốn có thêm bạn mới

Câu 9. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện “Xương Rồng và Cúc Biển.” (9)

Câu 10. Em có đồng ý với cử chỉ và hành động của Xương Rồng trong câu chuyện không? Vì sao? (10)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em đã từng trải qua những chuyến đi xa, được khám phá và trải nghiệm biết bao thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, học tập được bao điều mới lạ,...Hãy kể lại một chuyến đi trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất.	1,0
II	10	HS tự nêu ý kiến của mình và giải thích ý kiến của mình.	1,0
		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một trải nghiệm</i>	0,25
		<i>c. Kể lại trải nghiệm của bản thân</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân. - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Cảm xúc sau trải nghiệm đó.	3,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>	0,25

Trường THCS Lý Tự Trọng
Giáo viên: Hoàng Thị Liên

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK O	T L	TNK O	T L	TNK O	T L	TNK O	T L	

1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn.	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật, thể loại. (1) - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. (2) <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được nghĩa của từ. (3) - Nêu được chủ đề của văn bản. (4) - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. (5) - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện. (6) - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. (7) - Xác định được động từ, biện pháp tu từ nhân hóa sử dụng trong văn bản. (8) <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. (9) 	4 TN	4TN	2TL	

			- Trình bày ý kiến về hành động của nhân vật.(10)				
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				4 TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau:

CON THỎ TRẮNG THÔNG MINH

Một ngày nọ, Thỏ, Khỉ và Dê rủ nhau lên núi chơi. Đột nhiên chúng phát hiện ra con Sói già đang lén vào nhà Gà và lấy trứng trứng.

Dê giọng nhỏ nhẹ: “Con Sói kia hung dữ lắm. Chúng ta chỉ bằng giả vờ không nhìn thấy, cứ để nó trộm. Nếu mình vào nói có khi bị nó ăn thịt mất”.

Khỉ tức giận nói: “Làm sao lại để yên khi biết chúng làm việc xấu. Hãy để tôi”. Nói xong, Khỉ dũng cảm xông lên: “Con Sói già kia, tại sao lại lấy trứng đồ của người khác. Để trứng xuống ngay”.

Sói nhìn xung quanh không thấy có người liền hung hãn quát: “Con Khỉ to gan nhà người, không muốn sống nữa hả. Người dám chen vào chuyện của tao hả. Hôm nay người sẽ phải chết”, vừa dứt lời con Sói già giơ móng vuốt vồ nhanh lấy Khỉ.

Khỉ hoảng sợ chờ đợi cái chết thì bất ngờ tiếng sấm nổ lên. “Sói, đầu hàng đi, người đã bị bao vây”, tiếng bác cảnh sát vang lên. Hóa ra lúc Dê và Khỉ đang tranh luận cách giải quyết thì Thỏ đã nhanh trí chạy đi báo cảnh sát. Vì vậy mà Khỉ đã thoát chết và Sói đã bị trừng phạt thích đáng

(Theo -IQSCHOOL.vn – chia sẻ - yêu thích – giáo dục – trải nghiệm)

Chọn câu trả lời đúng nhất (Từ câu 1 đến câu 8)

Câu 1. Câu chuyện *Con Thỏ trắng thông minh* được viết theo thể loại nào? (1)

- A. Truyện cổ tích.
- B. Truyện thuyết.
- C. **Truyện đồng thoại.**
- D. Thần thoại.

Câu 2. Câu chuyện được kể bằng lời của ai?(2)

- A. **Lời của người kể chuyện.**
- B. Lời của Chim Én.
- C. Lời của nhân vật
- D. Lời của Dế Mèn và Chim Én.

Câu 3. Câu chuyện có những nhân vật chính nào? (1)

- A. Thỏ, Khỉ
- B. **Thỏ, Khỉ, Dê**
- C. Thỏ, Khỉ, Dê, Sói
- D. Khỉ, Dê, Sói

Câu 4. Lúc Dê và Khỉ đang tranh luận cách giải quyết thì Thỏ làm gì? (1)

- A. Thỏ đứng bên cạnh lắng nghe ý kiến hai bạn.
- B. Thỏ không tham gia bày tỏ ý kiến mà bỏ đi chơi.
- C. Thỏ sợ hãi trốn vào bụi cây trên núi.
- D. **Thỏ đã nhanh trí chạy đi báo cảnh sát.**

Câu 5. Từ “chạy” trong câu chuyện thuộc từ loại nào?(8)

- A. **Động từ.**
- B. Danh từ.
- C. Số từ.
- D. Chỉ từ.

Câu 6. Hành động của Thỏ ở cuối câu chuyện thể hiện điều gì?(7)

- A. Đoàn kết.
- B. Yêu thương.
- C. Dũng cảm.
- D. **Thông minh.**

Câu 7. Xác định tên biện pháp tu từ sử dụng trong câu sau: *Khỉ tức giận nói: “Làm sao lại để yên khi biết chúng làm việc xấu.”*.(8)

A. Hoán dụ.

B. Nhân hóa.

C. So sánh.

D. Ẩn dụ

Câu 8. Vì sao Dê nói với Khỉ và Thỏ là: *“Con Sói kia hung dữ lắm. Chúng ta chỉ bằng giả vờ không nhìn thấy, cứ để nó trộm. Nếu mình vào nói có khi bị nó ăn thịt mất”*?.(7)

A. Vì Dê lo cho mọi người.

B. Vì Sói kia hung dữ lắm.

C. Vì Dê sợ bị Sói ăn thịt.

D. Vì Dê nghĩ đó không phải việc của mình.

Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Qua câu chuyện trên bài học tâm đắc nhất em rút ra được là gì?(9)

Câu 10. Trong những cách giải quyết sự việc ở câu chuyện trên, em thích nhất cách giải quyết sự việc của nhân vật nào? Vì sao? (10)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**Môn: Ngữ văn lớp 6**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	C	0,5
	9	HS nêu được cụ thể: bài học mà bản thân tâm đắc nhất.	1,0
	10	HS tự nêu ý kiến của mình và giải thích ý kiến của mình.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một trải nghiệm</i>	0,25
		<i>c. Kể lại trải nghiệm của bản thân</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân. - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Kết hợp kể và miêu tả, biểu cảm. - Cảm xúc sau trải nghiệm đó.	3,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, lôi cuốn, hấp dẫn.</i>	0,25

SẢN PHẨM THỰC HÀNH CỦA GIÁO VIÊN TRẦN TUẤN ANH
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN- CẨM MỸ- ĐỒNG NAI

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

		thức	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN LỚP 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ. (1) - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát. (2) - Nhận biết được phương thức biểu đạt chính, các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. (3) - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); các biện pháp tu từ. (4) Thông hiểu: - Hiểu được nội dung chính của câu thơ, đoạn thơ. (5) - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. (6) - Hiểu nghĩa của từ. (7) Vận dụng: - Trình bày được thông điệp của đoạn thơ (8). - Rút ra được bài học cho bản thân. (9)	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				15 +	25 +	20 +	10

		5	15	10	
Tỉ lệ chung		60	40		

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 6
Thời gian: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU: (6.0 ĐIỂM)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Bao nhiêu khổ nhọc cam go
Đời cha chở nặng chuyển đồ gian nan!
Nhưng chưa một tiếng thở than
Mong cho con khỏe, con ngoan vui rồi
Cha như biển rộng mây trời
Bao la nghĩa nặng đời đời con mang!*
(Ngày của cha – Phan Thanh Tùng)

Câu 1: Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? (1)

- A. Lục bát B. Tự do C. Bốn chữ D. Năm chữ

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ trên là: (3)

- A. tự sự B. biểu cảm C. miêu tả A. nghị luận

Câu 3: Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu thơ: “*Cha như biển rộng mây trời*”? (4)

- A. So sánh B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

Câu 4: “*Cam go*” nghĩa là gì? (7)

- A. Vất vả B. Khó khăn C. Gian khổ, vất vả D. Cực nhọc

Câu 5: Từ “*Gian nan*” trong câu thơ: “*Đời cha chở nặng chuyển đồ gian nan*” là từ loại nào? (4)

- A. Từ láy B. Từ ghép C. Từ đơn D. Từ phức

Câu 6: Nội dung chủ đề của bài thơ trên là gì? (5)

- A. Ca ngợi công lao của cha to lớn B. Ca ngợi tình bà cháu
C. Ca ngợi tình bạn bè D. Ca ngợi tình anh em

Câu 7: Câu “*Bao la nghĩa nặng đời đời con mang*” muốn nhắc nhở con điều gì? (5)

- A. Làm người phải biết quý trọng tình cảm gia đình.
B. Làm con phải luôn khắc ghi công ơn của cha.
C. Làm con phải dành tình cảm thật nhiều cho cha.
D. Cha là người quan trọng nhất trong gia đình.

Câu 8: Tác giả đã so sánh công ơn của người cha với hình ảnh nào? (6)

- A. Trời cao B. Biển trời C. Sông núi D. Biển rộng mây

trời

Câu 9: Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn thơ là gì? (8)

Câu 10: Qua đoạn thơ, em rút ra được bài học gì cho bản thân? (9)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn trình bày ý kiến của em về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm (học tập, dịch bệnh, môi trường, tệ nạn, ...).

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	HS trình bày được ý nghĩa thông điệp của văn bản (Gợi ý: Hãy biết trân trọng những hi sinh, những yêu thương của cha dành cho con, ...).	1,0
	10	HS trình bày được bài học từ văn bản gợi ra.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận: có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận. Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm. Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.</i>	0,25
		<i>2. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Hiện tượng đời sống là những hiện tượng nổi bật, có ý nghĩa hoặc ảnh hưởng tới phần lớn mọi người trong xã hội. (có thể là hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực)</i>	0,25
		<i>3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể triển khai theo hướng sau:</i> - Mở bài: Giới thiệu được hiện tượng người viết quan tâm và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về hiện tượng ấy. - Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến của người viết theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Tùy vào ý kiến người viết đưa ra các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ lí lẽ. - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến, đưa ra những đề xuất, giải pháp...	2,5
		<i>4. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</i>	0,5
		<i>5. Trình bày; chính tả, dùng từ, đặt câu: chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt..</i>	0,5